Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Import Tariff Advisory Report – 7220.90.10

Mã HS	7220.90.10 Các sản phẩm thép không gỉ được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm / - Loại khác: / - - Dạng đai và dải(SEN), chiều rộng không quá 400 mm
Mô tả sản phẩm	
Nước xuất xứ	Chưa cung cấp
Ngày nhập khẩu	2026-11-04 (dữ liệu năm 2026)
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:33:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/tools/tariff-advisor/?hs=72209010

Recommended Tariff Options – phương án thuế

#	Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất công bố	Phân loại khuyến cáo	Tiêu chí xếp hạng	Chứng từ xuất xứ
1	AANZFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AANZ
2	ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	E
3	AHKFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AHK
4	AJCEP	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AJ
5	AKFTA	0(-ID, MY)	0% (trừ ID, MY)	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AK
6	ATIGA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	D
7	CPTPP	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	CPTPP

#	Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất công bố	Phân loại khuyến cáo	Tiêu chí xếp hạng	Chứng từ xuất xứ
8	EVFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	EUR.1
9	RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
10	RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
11	RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
12	RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
13	RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
14	RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	RCEP Form / Declaration of origin
15	UKVFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	EUR.1
16	VCFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	VC
17	VJEPA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	JV · Form VJ
18	VKFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	VK
19	VN-EAEU	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	EAV
20	VN-LAO	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	S
21	VIFTA	0	0%	Lowest Published Rate	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✗; Xác minh: ✗	Form VI (verify)
22	VN-CAM		Không có dữ liệu	Eligibility Not Confirmed	Thuế suất: ✗; Quốc gia: ?; Năm: ✗; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	S

#	Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất công bố	Phân loại khuyến cáo	Tiêu chí xếp hạng	Chứng từ xuất xứ
23	VNCU		Không có dữ liệu	Eligibility Not Confirmed	Thuế suất: ✗; Quốc gia: ?; Năm: ✗; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	VNCB · Form VC (Cuba)
24	AIFTA	7.5	7,5%	Không lợi hơn MFN	Thuế suất: ✓; Quốc gia: ?; Năm: ✓; Chứng từ: ?; Pháp lý: ✓; Xác minh: ✗	AI

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 7,5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7220.90 có 2 dòng thuế; dòng 7220.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng đai và dải(SEN), chiều rộng không quá 400 mm.	7220.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Các sản phẩm thép cán nguội khác > Thép cuốn cỡ nhỏ (<600 mm). (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Thép cán nguội – áp dụng cho NƯỚC CN (3765/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẩn tránh.	TR-17 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Thép cán nguội (NƯỚC CN)	3765/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7220.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11418), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Required Documentation – chứng từ cần chuẩn bị

Required Documentation – chứng từ cần chuẩn bị	Ghi chú
Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)	Mô tả hàng, đơn giá, điều kiện giao hàng phải khớp tờ khai và C/O.
Phiếu đóng gói (Packing List)	
Vận đơn (Bill of Lading / AWB)	Chứng minh vận chuyển trực tiếp khi hưởng FTA.
Tờ khai hải quan nhập khẩu (VNACCS)	Khai mã HS, mã biểu thuế, xuất xứ.
Hợp đồng mua bán	
Tài liệu kỹ thuật (catalogue, bản vẽ, chứng chỉ vật liệu – mill test certificate)	Chứng minh đặc điểm phân loại (vật liệu, kích thước, mức độ gia công).
Hồ sơ đăng ký kiểm tra chuyên ngành / chứng nhận hợp quy	
Hồ sơ chứng minh nhà sản xuất/xuất khẩu (đối với biện pháp PVTM)	Mức thuế PVTM thường phụ thuộc nhà sản xuất cụ thể.

Recommended Next Actions – việc cần làm

#	Khuyến nghị
1	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.
2	Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.
3	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.
4	Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

#	Khuyến nghị
5	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).
6	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.

Thuế suất: biểu thuế tổng hợp BT2026

Lộ trình FTA: các worksheet AC, AT, AJ, VJ, AK, AANZ, AI, VK, VC, EAV, CPTPP, AKH, EV-NK, VNCU, UKV, VI, VNCAM, RCEP A–F

Thành viên FTA, mã quốc gia: dữ liệu tham chiếu (REFERENCE)

Quy tắc khuyến cáo, mapping: dữ liệu khuyến cáo (ADVISORY)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.